

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2024 – 2025

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – HP (23401307)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123100071	Nguyễn Thu	An	08/06/2005	Kế toán B	10.0	7.0	8.0	8.3	
2	2123210043	Nguyễn Thiện	Ân	24/05/2005	Công nghệ thực phẩm B	10.0	7.0	8.0	8.3	
3	2123210068	Trịnh Thị Lan	Anh	08/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	10.0	5.0	7.0	7.3	
4	2122110252	Lâm Đình Bảo	Bảo	28/10/2004	Công nghệ thông tin G	5.0	5.0	5.0	5.0	
5	2123210051	Phạm Thái	Bảo	28/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	10.0	7.0	6.0	7.3	
6	2123310017	Nguyễn Chí	Cường	28/12/2003	Thương mại điện tử A	8.0	8.0	5.0	6.5	
7	2123210002	Bùi Thị Thùy	Dương	07/02/2004	Công nghệ thực phẩm A	8.0	8.0	5.0	6.5	
8	2123210035	Nguyễn Quốc	Dương	31/05/2005	Công nghệ thực phẩm A	10.0	7.0	10.0	9.3	
9	2123310005	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13/05/2005	Thương mại điện tử A	10.0	5.0	5.0	6.3	
10	2123310014	Nguyễn Thị Thùy	Dương	24/10/2005	Thương mại điện tử A	10.0	7.0	5.0	6.8	
11	2123180086	Nguyễn Tùng	Dương	30/08/2004	Công nghệ KT nhiệt C	10.0	7.0	6.0	7.3	
12	2123030204	Nguyễn Vũ	Duy	20/05/2005	Thương mại điện tử B	7.0	5.0	5.0	5.5	
13	2123210029	Vũ Dương Hồng	Duyên	11/11/2005	Công nghệ thực phẩm A	8.0	7.0	5.0	6.3	
14	2123300120	Võ Văn	Giang	10/06/2002	Logistics D	5.0	5.0	5.0	5.0	
15	2123100063	Lương Quỳnh	Giao	22/06/2005	Kế toán B	8.0	5.0	5.0	5.8	
16	2123190052	Phan Thị	Hà	15/04/2001	Tài chính - Ngân hàng B	10.0	7.0	7.0	7.8	
17	2123100055	Phan Gia	Hân	22/10/2005	Kế toán B	8.0	5.0	5.0	5.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2123310011	Đoàn Thị	Hằng	27/04/2005	Thương mại điện tử A	10.0	7.0	7.0	7.8	
19	2123260194	Huỳnh Phúc	Hậu	13/10/2004	Quản trị khách sạn A	5.0	5.0	5.0	5.0	
20	2123310006	Phạm Quang	Hiệu	05/01/2005	Thương mại điện tử A	8.0	6.0	8.0	7.5	
21	2123210037	Đỗ Thị Như	Hoài	27/01/2005	Công nghệ thực phẩm B	10.0	7.0	7.0	7.8	
22	2123210049	Nguyễn Mỹ	Hoàng	19/12/2005	Công nghệ thực phẩm B	10.0	7.0	7.0	7.8	
23	2123310046	Trần Ngọc	Hoàng	15/03/2004	Thương mại điện tử B	0.0	0.0	0.0	0.0	
24	2123190006	Trần Thị Mỹ	Hoàng	08/09/2003	Tài chính - Ngân hàng A	8.0	5.0	5.0	5.8	
25	2123310002	Phạm Quốc	Hùng	26/10/2004	Thương mại điện tử A	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	2123210026	Phạm Thị Thanh	Hương	31/05/2005	Công nghệ thực phẩm A	10.0	7.0	7.0	7.8	
27	2123300095	Trần Thị Thu	Hương	05/01/2005	Logistics C	8.0	7.0	5.0	6.3	
28	2123100143	Trương Ngọc Minh	Hương	13/09/2005	Tài chính - Ngân hàng A	10.0	5.0	6.0	6.8	
29	2123310031	Hồ Đình	Huy	29/03/2005	Thương mại điện tử A	10.0	7.0	8.0	8.3	
30	2123190082	Hán Ngọc An	Khương	30/06/2003	Tài chính - Ngân hàng A	10.0	5.0	6.0	6.8	
31	2123310039	Huỳnh Nhật	Kiên	14/05/1998	Thương mại điện tử B	8.0	5.0	5.0	5.8	
32	2123210032	Lê Tuấn	Kiệt	03/07/2005	Công nghệ thực phẩm A	5.0	7.0	8.0	7.0	
33	2123100014	Nguyễn Anh	Kiệt	03/11/2005	Kế toán A	10.0	7.0	7.0	7.8	
34	2122210060	Nguyễn Văn	Lập	01/10/2003	Công nghệ thực phẩm B	8.0	7.0	5.0	6.3	
35	2123210109	Huỳnh Thị Trúc	Linh	10/08/2005	Công nghệ thực phẩm A	10.0	7.0	7.0	7.8	
36	2123310024	Phan Mỹ	Linh	14/01/2005	Thương mại điện tử A	10.0	7.0	6.0	7.3	
37	2123100016	Trần Mai Phương	Linh	23/07/2005	Kế toán A	10.0	5.0	7.0	7.3	
38	2123270086	Vòng Mỹ	Linh	12/07/2005	Quản trị nhà hàng C	0.0	0.0	0.0	0.0	
39	2123100040	Đỗ Thị Kim	Loan	25/10/2005	Kế toán B	10.0	7.0	8.0	8.3	
40	2123100049	Hoàng Thị Phương	Loan	06/07/2005	Kế toán B	10.0	7.0	7.0	7.8	
41	2123310007	Lai Hoàng Kiều	Mi	22/10/2004	Thương mại điện tử A	10.0	5.0	7.0	7.3	
42	2123180130	Phạm Bá	Ngà	09/11/2005	Công nghệ KT nhiệt C	8.0	7.0	5.0	6.3	
43	2123210056	Đỗ Thị Tuyết	Ngân	10/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.0	5.0	5.0	5.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
44	2123210001	Hoàng Cẩm	Ngân	11/10/2004	Công nghệ thực phẩm A	10.0	7.0	5.0	6.8	
45	2123210027	Trịnh Ngọc Thanh	Ngân	23/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	10.0	7.0	7.0	7.8	
46	2123210061	Nguyễn Như	Ngọc	14/03/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.0	7.0	5.0	6.3	
47	2123310015	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	19/06/2005	Thương mại điện tử A	10.0	7.0	7.0	7.8	
48	2123310010	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	27/11/2005	Thương mại điện tử A	10.0	7.0	7.0	7.8	
49	2123210050	Trần Minh	Ngọc	28/01/2005	Công nghệ thực phẩm B	10.0	7.0	10.0	9.3	
50	2123100046	Võ Hồng	Ngọc	01/04/2005	Kế toán B	10.0	7.0	6.0	7.3	
51	2123100067	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	09/03/2005	Kế toán B	10.0	7.0	6.0	7.3	
52	2123300090	Nguyễn Quốc	Phát	08/06/2005	Logistics C	0.0	0.0	0.0	0.0	
53	2123210034	Lương Thu	Phương	09/09/2003	Công nghệ thực phẩm A	10.0	7.0	7.0	7.8	
54	2123100045	Nguyễn Mai	Phương	23/07/2005	Kế toán B	10.0	7.0	7.0	7.8	
55	2122120476	Nguyễn Thị Thu	Quyên	29/05/2004	Quản trị KD tổng hợp N	8.0	5.0	5.0	5.8	
56	2123100057	Lê Thị Diễm	Quỳnh	10/11/2005	Kế toán B	8.0	7.0	5.0	6.3	
57	2123100069	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	15/01/2005	Kế toán B	8.0	5.0	5.0	5.8	
58	2123300134	Vũ Thanh	Sang	10/11/2003	Logistics D	8.0	5.0	6.0	6.3	
59	2122110519	Nguyễn Chí	Tâm	23/09/1999	Công nghệ thông tin M	0.0	0.0	0.0	0.0	
60	2123100064	Mùng Thị Thu	Thảo	30/01/2005	Kế toán B	10.0	7.0	7.0	7.8	
61	2123100213	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/11/2005	Kế toán B	10.0	7.0	6.0	7.3	
62	2123310008	Trịnh Lê Uyên	Thy	10/11/2005	Thương mại điện tử A	10.0	7.0	7.0	7.8	
63	2123210048	Lê Thị Kiều	Tiên	04/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.0	5.0	5.0	5.3	
64	2123190023	Sư Thị Kim	Tiên	27/10/2005	Tài chính - Ngân hàng A	8.0	5.0	5.0	5.8	
65	2123180112	Đặng Trung	Tín	23/04/2001	Công nghệ KT nhiệt C	10.0	8.0	8.0	8.5	
66	2122110382	Phan Huỳnh Trọng	Tín	19/07/2004	Công nghệ thông tin J	10.0	9.0	8.0	8.8	
67	2123100068	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	26/09/2005	Kế toán B	8.0	5.0	5.0	5.8	
68	2123190034	Phan Thị Huyền	Trang	08/09/2005	Tài chính - Ngân hàng A	10.0	7.0	7.0	7.8	
69	2123100236	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/03/2005	Kế toán B	10.0	7.0	7.0	7.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
70	2122110101	Võ Quốc	Trung	07/09/2004	Công nghệ thông tin C	8.0	7.0	5.0	6.3	
71	2123310053	Võ Quốc	Trường	26/11/2005	Thương mại điện tử B	10.0	7.0	10.0	9.3	
72	2123190019	Trịnh Thị Kim	Tuyền	05/09/2005	Tài chính - Ngân hàng A	10.0	7.0	7.0	7.8	
73	2123190026	Lâm Ngọc	Tuyền	06/12/2005	Tài chính - Ngân hàng A	10.0	7.0	6.0	7.3	
74	2123310025	Phan Ngọc Thanh	Tuyền	27/03/2004	Thương mại điện tử A	10.0	7.0	7.0	7.8	
75	2123310016	Võ Thị Mỹ	Vàng	17/03/2000	Thương mại điện tử A	10.0	7.0	7.0	7.8	
76	2123310001	Huỳnh Hồ Thảo	Vy	17/04/2005	Thương mại điện tử A	10.0	7.0	7.0	7.8	

TPHCM , ngày 17 tháng 01 năm 2025

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2024 – 2025

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – HP (23401307) Số tín chỉ: 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2123100071	Nguyễn Thu	An	08/06/2005	CCQ2310B	8.3	5.0	6,30	
2	2123210043	Nguyễn Thiện	Ân	24/05/2005	CCQ2321B	8.3	8.0	8,10	
3	2123210068	Trịnh Thị Lan	Anh	08/09/2005	CCQ2321B	7.3	5.0	5,90	
4	2122110252	Lâm Đình Bảo	Bảo	28/10/2004	CCQ2211G	5.0	5.0	5,00	
5	2123210051	Phạm Thái	Bảo	28/11/2005	CCQ2321B	7.3	5.0	5,90	
6	2123310017	Nguyễn Chí	Cường	28/12/2003	CCQ2331A	6.5	5.0	5,60	
7	2123210002	Bùi Thị Thùy	Dương	07/02/2004	CCQ2321A	6.5	5.0	5,60	
8	2123210035	Nguyễn Quốc	Dương	31/05/2005	CCQ2321A	9.3	5.0	6,70	
9	2123310005	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13/05/2005	CCQ2331A	6.3	5.0	5,50	
10	2123310014	Nguyễn Thị Thùy	Dương	24/10/2005	CCQ2331A	6.8	5.0	5,70	
11	2123180086	Nguyễn Tùng	Dương	30/08/2004	CCQ2318C	7.3	7.0	7,10	
12	2123030204	Nguyễn Vũ	Duy	20/05/2005	CCQ2331B	5.5	5.0	5,20	
13	2123210029	Vũ Dương Hồng	Duyên	11/11/2005	CCQ2321A	6.3	5.0	5,50	
14	2123300120	Võ Văn	Giang	10/06/2002	CCQ2330D	5.0	5.0	5,00	
15	2123100063	Lương Quỳnh	Giao	22/06/2005	CCQ2310B	5.8	5.0	5,30	
16	2123190052	Phan Thị	Hà	15/04/2001	CCQ2319B	7.8	5.0	6,10	
17	2123100055	Phan Gia	Hân	22/10/2005	CCQ2310B	5.8	5.0	5,30	
18	2123310011	Đoàn Thị	Hằng	27/04/2005	CCQ2331A	7.8	5.0	6,10	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2123260194	Huỳnh Phúc	Hậu	13/10/2004	CCQ2326A	5.0	5.0	5,00	
20	2123310006	Phạm Quang	Hiệu	05/01/2005	CCQ2331A	7.5	7.0	7,20	
21	2123210037	Đỗ Thị Như	Hoài	27/01/2005	CCQ2321B	7.8	5.0	6,10	
22	2123210049	Nguyễn Mỹ	Hoàng	19/12/2005	CCQ2321B	7.8	5.0	6,10	
23	2123310046	Trần Ngọc	Hoàng	15/03/2004	CCQ2331B	0.0	0.0	0,00	
24	2123190006	Trần Thị Mỹ	Hoàng	08/09/2003	CCQ2319A	5.8	5.0	5,30	
25	2123310002	Phạm Quốc	Hùng	26/10/2004	CCQ2331A	0.0	0.0	0,00	
26	2123210026	Phạm Thị Thanh	Hương	31/05/2005	CCQ2321A	7.8	5.0	6,10	
27	2123300095	Trần Thị Thu	Hương	05/01/2005	CCQ2330C	6.3	5.0	5,50	
28	2123100143	Trương Ngọc Minh	Hương	13/09/2005	CCQ2319A	6.8	5.0	5,70	
29	2123310031	Hồ Đình	Huy	29/03/2005	CCQ2331A	8.3	5.0	6,30	
30	2123190082	Hán Ngọc An	Khương	30/06/2003	CCQ2319A	6.8	5.0	5,70	
31	2123310039	Huỳnh Nhật	Kiên	14/05/1998	CCQ2331B	5.8	5.0	5,30	
32	2123210032	Lê Tuấn	Kiệt	03/07/2005	CCQ2321A	7.0	9.0	8,20	
33	2123100014	Nguyễn Anh	Kiệt	03/11/2005	CCQ2310A	7.8	5.0	6,10	
34	2122210060	Nguyễn Văn	Lập	01/10/2003	CCQ2221B	6.3	8.0	7,30	
35	2123210109	Huỳnh Thị Trúc	Linh	10/08/2005	CCQ2321A	7.8	5.0	6,10	
36	2123310024	Phan Mỹ	Linh	14/01/2005	CCQ2331A	7.3	5.0	5,90	
37	2123100016	Trần Mai Phương	Linh	23/07/2005	CCQ2310A	7.3	5.0	5,90	
38	2123270086	Vòng Mỹ	Linh	12/07/2005	CCQ2327C	0.0	0.0	0,00	
39	2123100040	Đỗ Thị Kim	Loan	25/10/2005	CCQ2310B	8.3	5.0	6,30	
40	2123100049	Hoàng Thị Phương	Loan	06/07/2005	CCQ2310B	7.8	5.0	6,10	
41	2123310007	Lai Hoàng Kiều	Mi	22/10/2004	CCQ2331A	7.3	5.0	5,90	
42	2123180130	Phạm Bá	Ngà	09/11/2005	CCQ2318C	6.3	8.0	7,30	
43	2123210056	Đỗ Thị Tuyết	Ngân	10/09/2005	CCQ2321B	5.3	5.0	5,10	
44	2123210001	Hoàng Cẩm	Ngân	11/10/2004	CCQ2321A	6.8	5.0	5,70	
45	2123210027	Trịnh Ngọc Thanh	Ngân	23/12/2005	CCQ2321A	7.8	5.0	6,10	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2123210061	Nguyễn Như	Ngọc	14/03/2005	CCQ2321B	6.3	5.0	5,50	
47	2123310015	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	19/06/2005	CCQ2331A	7.8	5.0	6,10	
48	2123310010	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	27/11/2005	CCQ2331A	7.8	5.0	6,10	
49	2123210050	Trần Minh	Ngọc	28/01/2005	CCQ2321B	9.3	5.0	6,70	
50	2123100046	Võ Hồng	Ngọc	01/04/2005	CCQ2310B	7.3	5.0	5,90	
51	2123100067	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	09/03/2005	CCQ2310B	7.3	5.0	5,90	
52	2123300090	Nguyễn Quốc	Phát	08/06/2005	CCQ2330C	0.0	0.0	0,00	
53	2123210034	Lương Thu	Phương	09/09/2003	CCQ2321A	7.8	5.0	6,10	
54	2123100045	Nguyễn Mai	Phương	23/07/2005	CCQ2310B	7.8	5.0	6,10	
55	2122120476	Nguyễn Thị Thu	Quyên	29/05/2004	CCQ2212N	5.8	5.0	5,30	
56	2123100057	Lê Thị Diễm	Quỳnh	10/11/2005	CCQ2310B	6.3	5.0	5,50	
57	2123100069	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	15/01/2005	CCQ2310B	5.8	5.0	5,30	
58	2123300134	Vũ Thanh	Sang	10/11/2003	CCQ2330D	6.3	5.0	5,50	
59	2122110519	Nguyễn Chí	Tâm	23/09/1999	CCQ2211M	0.0	0.0	0,00	
60	2123100064	Mùng Thị Thu	Thảo	30/01/2005	CCQ2310B	7.8	5.0	6,10	
61	2123100213	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/11/2005	CCQ2310B	7.3	5.0	5,90	
62	2123310008	Trịnh Lê Uyên	Thy	10/11/2005	CCQ2331A	7.8	5.0	6,10	
63	2123210048	Lê Thị Kiều	Tiên	04/09/2005	CCQ2321B	5.3	5.0	5,10	
64	2123190023	Sư Thị Kim	Tiên	27/10/2005	CCQ2319A	5.8	5.0	5,30	
65	2123180112	Đặng Trung	Tín	23/04/2001	CCQ2318C	8.5	6.0	7,00	
66	2122110382	Phan Huỳnh Trọng	Tín	19/07/2004	CCQ2211J	8.8	7.0	7,70	
67	2123100068	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	26/09/2005	CCQ2310B	5.8	5.0	5,30	
68	2123190034	Phan Thị Huyền	Trang	08/09/2005	CCQ2319A	7.8	5.0	6,10	
69	2123100236	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/03/2005	CCQ2310B	7.8	5.0	6,10	
70	2122110101	Võ Quốc	Trung	07/09/2004	CCQ2211C	6.3	5.0	5,50	
71	2123310053	Võ Quốc	Trường	26/11/2005	CCQ2331B	9.3	5.0	6,70	
72	2123190019	Trịnh Thị Kim	Tuyến	05/09/2005	CCQ2319A	7.8	5.0	6,10	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
73	2123190026	Lâm Ngọc	Tuyền	06/12/2005	CCQ2319A	7.3	5.0	5,90	
74	2123310025	Phan Ngọc Thanh	Tuyền	27/03/2004	CCQ2331A	7.8	5.0	6,10	
75	2123310016	Võ Thị Mỹ	Vàng	17/03/2000	CCQ2331A	7.8	5.0	6,10	
76	2123310001	Huỳnh Hồ Thảo	Vy	17/04/2005	CCQ2331A	7.8	5.0	6,10	

TPHCM, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình